

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD6 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122067201510 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3671031091	36CXD6	V ấ ấ nh C ầ ng Tu n Anh	23/12/1994				9.0			9.0	2.7	1.5	1.1	3.8	
2	3671031254	36CXD6	Tr n Trung Cang	26/12/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
3	3671031212	36CXD6	Lê Quang C u	18/10/1994				9.0			9.0	2.7	1.0	0.7	3.4	
4	3671031117	36CXD6	Nguy n V ấ ấ C ng	20/09/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
5	3671031576	36CXD6	Tr n Minh C ng	26/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
6	3671031187	36CXD6	Hà Quang Duy	27/07/1994				7.0			7.0	2.1	0.0	0.0	2.1	
7	3671031089	36CXD6	L 2 ấ nh ấ ấ ấ	20/10/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	N HPCT
8	3671031088	36CXD6	B ầ i V ấ ấ ấ nh	05/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
9	3671031121	36CXD6	Nguy n Thanh H i	24/01/1994				8.0			8.0	2.4	1.0	0.7	3.1	
10	3671031231	36CXD6	Nguy n Th H i	20/10/1994				9.0			9.0	2.7	8.5	6.0	8.7	
11	3671031227	36CXD6	Bùi Xuân H i	16/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
12	3671031125	36CXD6	Huỳnh V ấ ấ Huy	16/10/1994				7.0			7.0	2.1	5.5	3.9	6.0	
13	3671031873	36CXD6	Phan Huy	13/09/1994				1.0			1.0	0.3	0.0	0.0	0.3	N HPCT
14	3671031179	36CXD6	Tr n Quang Huy	20/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
15	3671031186	36CXD6	Nguy n Th Hùng	15/05/1994				9.0			9.0	2.7	9.0	6.3	9.0	
16	3671031154	36CXD6	Nguy n Kh c Khang Nguy 2 n	14/03/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT
17	3671031185	36CXD6	Huỳnh Nh t Khuê	10/11/1994				5.0			5.0	1.5	2.0	1.4	2.9	
18	3671031236	36CXD6	Th ầ i V ấ ấ Lâm	15/10/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
19	3671032022	36CXD6	H Tr n Lâm	21/09/1994				9.0			9.0	2.7	1.5	1.1	3.8	N HP

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36CXD6 N ấ m h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122067201510 - C ấ thuy t 2 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V i T c N		NG ẦY SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CH Ứ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3671031230	36CXD6	Nguy n Ho ầ ng	L ầ m	23/11/1994				8.0			8.0	2.4	8.5	6.0	8.4	
21	3671031577	36CXD6	Nguy n Th ầ nh	Long	11/08/1992				2.0			2.0	0.6	2.0	1.4	2.0	N HP
22	3671031142	36CXD6	ấ ng H u	L c	11/09/1994				9.0			9.0	2.7	2.0	1.4	4.1	
23	3671031253	36CXD6	Tr n Xu ầ n	M ầ nh	02/04/1994				9.0			9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	
24	3671031268	36CXD6	Tr n Ho ầ	Nam	23/03/1994				5.0			5.0	1.5	9.0	6.3	7.8	
25	3671031129	36CXD6	Nguy n V ầ Nh	Ninh	05/06/1994				5.0			5.0	1.5	1.0	0.7	2.2	
26	3671031241	36CXD6	H Tr ầ	Ngh ầ	18/04/1994				3.0			3.0	0.9	5.5	3.9	4.8	
27	3671032047	36CXD6	Nguy n H u	Ngh ầ	28/03/1994				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
28	3671031177	36CXD6	V ồ Quang M ầ nh	Nh t	23/03/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
29	3671031174	36CXD6	Nguy n V ầ Nh	Pha	20/06/1993				2.0			2.0	0.6	5.0	3.5	4.1	
30	3671031099	36CXD6	Nguy n Ho ầ ng	Phú	24/12/1994				7.0			7.0	2.1	1.0	0.7	2.8	
31	3671031130	36CXD6	Lê Ho ầ ng	Phú c	04/09/1994				1.0			1.0	0.3	1.0	0.7	1.0	
32	3671031958	36CXD6	Ho ầ ng Nh t	Ph ng	20/04/1993				8.0			8.0	2.4	9.5	6.7	9.1	
33	3671031126	36CXD6	ấ ầ T n	Qu ầ n	12/06/1994				6.0			6.0	1.8	0.0	0.0	1.8	
34	3671031595	36CXD6	Nguy n Ng c	Quy n	30/08/1993				6.5			6.5	2.0	0.5	0.4	2.3	
35	3671031181	36CXD6	Nguy n V ầ Nh	Quy n	12/08/1994				4.0			4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
36	3671031096	36CXD6	Tr n Do ầ n ầ t	Quy n	20/05/1991				7.0			7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	
37	3671031086	36CXD6	Nguy n M ầ nh	Quý	23/12/1993				5.0			5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
38	3671031257	36CXD6	V ầ Ng c	Sá ng	04/10/1994				9.0			9.0	2.7	4.5	3.2	5.9	

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹a h c : L p h c : 36CXD6 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 2
(30,0,0,0,0,0)

H ấT : H c ph n : 122067201510 - C lĩ thuy t 2 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3671031214	36CXD6	Nguy n ấ c Tài	28/08/1994				2.0			2.0	0.6	4.5	3.2	3.8	
40	3671031232	36CXD6	Ph m T n Tài	20/02/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
41	3671031122	36CXD6	Ngô Bình Tâm	28/05/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
42	3671031164	36CXD6	Bùi Minh Tĩ n	04/02/1994				8.0			8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
43	3671031160	36CXD6	L ² ấ nh T nh	05/03/1994				9.0			9.0	2.7	5.5	3.9	6.6	
44	3671031261	36CXD6	Nguy n S B Tu n	10/11/1994				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HPCT
45	3671031260	36CXD6	V ½ H ng Tu t	20/02/1994				1.0			1.0	0.3	8.0	5.6	5.9	
46	3671031264	36CXD6	ấ Vi t Th ng	30/05/1993				8.0			8.0	2.4	3.0	2.1	4.5	
47	3671031166	36CXD6	Vy L ² Th Th c	26/10/1993				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
48	3671031248	36CXD6	Ph m Minh Trí	06/11/1994				1.0			1.0	0.3	5.0	3.5	3.8	
49	3671031252	36CXD6	L ² V ấ Nh Trung	09/03/1993				9.0			9.0	2.7	5.0	3.5	6.2	
50	3671031228	36CXD6	L ² ấ Ho ấ ng Vi t	19/06/1993				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
51	3671031175	36CXD6	ấ T n Ý	19/01/1993				7.0			7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	

T ng s : 51 h c sinh sinh vi²n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ng Khoa

Gi o Vi²n B M ấ n

Gi o V Khoa